

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2018/QĐDS – ST

Ngày 14/9/2018

*“V/v yêu cầu tuyên bố vô hiệu
văn bản thỏa thuận phân chia
tài sản vợ chồng sau ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG
Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Thu Hà – Thẩm phán;

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-VDS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc “yêu cầu tuyên bố vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia tài sản vợ chồng sau ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 04/2018/QĐ- VDS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Đường M, tổ dân phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;
- Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: Ông Nguyễn Tiến T, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2018.

Địa chỉ: Đường T, phường S, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Thanh T;

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

2. Bà Đỗ Thị H;

3. Anh Lưu Công T1;

4. Anh Lưu Chánh T2;

5. Anh Lưu Trung T3;

6. Anh Lưu Thanh T4;

7. Anh Lưu Thanh T5, sinh năm 1995;

8. Anh Lưu Minh T6, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Tổ M, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắc Nông;

3.Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Trong đơn yêu cầu cũng như tại phiên họp người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu ông Nguyễn Tiến T trình bày:

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án tuyên bố biên bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Lưu Thanh T và bà Đỗ Thị H (biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản) được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận ngày 20/10/2012 là vô hiệu, vì những lý do sau:

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2012 bà Đỗ Thị H có mua bán phân bón với ông L nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên năm 2013 ông Nguyễn Văn L đã khởi kiện ra Tòa án giải quyết, hai bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án bằng Quyết định số 06/2013/QĐST-KDTM ngày 01/9/2013 về việc công nhận thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Ngày 26/10/2015 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đã ban hành quyết định số 82/QĐ-CCTHA với nội dung thi hành án đối với bà Đỗ Thị H, trả nợ số tiền 361.055.000đ và lãi suất chậm thi hành án theo quy định. Đến nay bà H vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 09/6/2017, Chi cục Thi hành án huyện Đ đã ban hành quyết định số 01/QQĐ-CCTHADS về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng thay đổi hiện trạng tài sản đối với thửa đất số kiểm kê 177, tờ bản đồ số 00, diện tích 142m², mục đích sử dụng đất lâu dài. Ông T đã khởi kiện chia tài sản chung với bà H. Tuy nhiên, ông T đã rút đơn yêu cầu nên vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đình chỉ vụ án.

Hiện nay ông Lưu Thanh T và bà Đỗ Thị H đã ly hôn theo Quyết định số 44/2012/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2012. Về tài sản thì ông T và bà H thỏa thuận lập “Biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản ngày 20/10/2012”, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông, tại biên bản này thửa đất số kiểm kê 177, tờ bản đồ số 00 được chia cho ông T. Đồng thời ông T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và lo cho các con. Thời điểm phân chia ông T và bà H không gọi các chủ nợ đến thỏa thuận, mà cố ý tẩu tán, tài sản được chia hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đ. Vì vậy, theo nguyên tắc việc thỏa thuận này không đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận là không đảm bảo về mặt pháp lý (tài sản đang thế chấp), xác nhận vào ngày thứ bảy. Mục đích yêu cầu tuyên bố văn bản trên vô hiệu là để ông L có căn cứ xác định phần sở hữu của bà H để thi hành án về tài sản theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Quá trình giải quyết việc dân sự bà Đỗ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ông Lưu Thanh T trình bày: Tại thời điểm phân chia tài sản ngày 20/10/2012 thì thửa đất số kiểm kê 177, tờ bản đồ số 00, diện tích 142m², mục đích sử dụng đất lâu dài đang thế chấp Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Đ, tỉnh Đắk Nông, khi phân chia không có sự tham gia của các chủ nợ. Việc bà H giao tài sản trên cho ông T là ông T có trách nhiệm trả khoản nợ đó cho Ngân hàng và lo cho các con, không chia tài sản cho các con. Nay ông L yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia tài sản vô hiệu thì ông T không đồng ý.

Tại đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn L thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và bà H. Tuy nhiên văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, có các con ông T và bà H nên Tòa án xét thấy cần đưa vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để có căn cứ xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đắc Song nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Ông L yêu cầu tuyên bố biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giữa ông Lưu Thanh T và bà Đỗ Thị H là vô hiệu, biên bản này có xác nhận của thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắc Nông ngày 20/10/2012 được quy định tại khoản 8 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Hiện nay ông T và bà H trú tại: Tổ M, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắc Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác trong tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nên căn cứ Điều 367 BLTTDS Tòa án tiến hành mở phiên họp theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án xác định biên bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Lưu Thanh T và bà Đỗ Thị H (biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản) được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận ngày 20/10/2012 là vô hiệu vì các căn cứ sau:

[3.1] Tại Quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự số 06/2013/QĐST-KDTM ngày 01/9/2013 thì bà H có nghĩa vụ thanh toán số nợ cho ông L là 361.055.000đ và lãi suất chậm trả thi hành án, nhưng từ khi quyết định có hiệu lực bà H không thực hiện nghĩa vụ mà lại có hành vi phân chia tài sản để trốn tránh nghĩa vụ, văn bản phân chia này mặc dù có trước Quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự nhưng tại thời điểm phân chia tài sản này thì bà H và ông T đang thế chấp ngân hàng, sau khi xóa thế chấp ông L đã yêu cầu thi hành án và cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ đã có quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng số 01/QQĐ-CCTHADS ngày 09/6/2017. Tuy nhiên, do văn bản thỏa thuận phân chia tài sản có xác nhận của chính quyền địa phương, tại thời điểm phân chia không có sự đồng ý của ông L. Tài sản phân chia là quyền sử dụng đất của thửa đất số 177, tờ bản đồ số 00, diện tích 142m², đứng tên ông T và bà H, đây là tài sản hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân và thuộc trường hợp phải đăng ký quyền sở hữu được quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình nên chỉ đứng tên ông T và bà H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận chỉ có 02 con là anh T1 và anh T2 là trên 18 tuổi, còn lại là dưới 18 tuổi. Vì vậy, để có căn cứ thi hành án ông L đã yêu

cầu tuyên bố văn bản trên vô hiệu. Xét việc yêu cầu của ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 348 của BLDS năm 2005 về nghĩa vụ của bên thế chấp:

Tại khoản 4 Điều 348 BLDS quy định:

“ Không được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 349 của Bộ luật này”.

[3.2] Đồng thời tại thời điểm phân chia tài sản bà H chưa thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của ông L và trong văn bản thỏa thuận này không có sự đồng ý của ông L cho ai là người trả nợ. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 29 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định:

“ Việc chia tài sản chung vợ chồng nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản không được pháp luật công nhận”.

Từ những phân tích trên, xét thấy biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giữa ông Lưu Thanh T và bà Đỗ Thị H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu tuyên bố biên bản này vô hiệu của ông L là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T không đồng ý với yêu cầu của ông L nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi mở phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 8 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 361 BLTTDS; Điều 27, Điều 29 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 348 BLDS năm 2005:

Đề nghị: Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn L.

Tuyên bố: Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Lưu Thanh T, bà Đỗ Thị H và các con Lưu Công T1, Lưu Chánh T2, Lưu Trung T3, Lưu Thanh T4 ; anh Lưu Thanh T5; anh Lưu Minh T6 (biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản) được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận ngày 20/10/2012 là vô hiệu.

[6] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu lệ phí sơ thẩm của việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Quyết định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 361 BLTTDS; Điều 27, Điều 29 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 348 BLDS năm 2005;

Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn L.

Tuyên bố vô hiệu đối với biên bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Lưu Thanh T, bà Đỗ Thị H và các con Lưu Công T1, Lưu Chánh T2, Lưu Trung T3, Lưu Thanh T4; anh Lưu Thanh T5; anh Lưu Minh T6 (biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản) được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông xác nhận ngày 20/10/2012.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền ông L đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0004336 ngày 20/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc tổng đạt quyết định hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà

